BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **BỘ TÀI CHÍNH**

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

TRẦN ANH CHUNG

GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH THÚC ĐẨY CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NGÀNH TỈNH THANH HÓA THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

***Chuyên ngành*: Tài chính - Ngân hàng**

***Mã số*: 9.34.02.01**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2024

Công trình được hoàn thành
tại Học viện Tài chính

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS.TS. Ngô Văn Hiền**
2. PGS. TS. Ngô Thanh Hoàng

***Phản biện 1*: .....**
.....

***Phản biện 2*: .....**
.....

***Phản biện 3*: .....**
.....

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án
cấp Học viện, họp tại Học viện Tài chính
Vào hồi ..... giờ....., ngày..... tháng..... năm 2024

Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Tài chính

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Phát triển bền vững (PTBV) là mục tiêu quan trọng mà tất cả các quốc gia đều hướng tới. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế (CCKT) ngành của một quốc gia, địa phương nếu hợp lý sẽ thúc đẩy nền kinh tế PTBV và ngược lại. Do vậy, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng PTBV là một đòi hỏi cấp thiết khách quan trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay trên phạm vi quốc gia và từng địa phương ở Việt Nam.

Ở Việt Nam hiện nay, CCKT ngành đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, từ trạng thái lạc hậu, mất cân đối sang trạng thái cân đối hợp lý theo hướng Công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH). Tuy nhiên, sự chuyển dịch chưa thực sự bền vững, những yếu kém của CCKT ngành vẫn chưa được khắc phục triệt để, nền kinh tế vẫn dựa vào các ngành có lợi thế về tài nguyên và lao động với chi phí thấp, nhóm ngành nông, lâm nghiệp và thuỷ sản còn chiếm tỷ trọng cao trong GDP và trong tổng lao động xã hội, ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo và các ngành dịch vụ cao cấp như: Vận tải, Thông tin và truyền thông, Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm… vẫn còn chiếm tỷ trọng thấp trong GDP. Để thực hiện mục tiêu chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV đối với sự phát triển KTXH của đất nước thì một trong những giải pháp đã được Đảng và Nhà nước ta đưa ra là đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách để huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực vào phát triển kinh tế nhanh, bền vững [186].

Thanh Hoá là một tỉnh ven biển ở khu vực Bắc Trung Bộ, có vị trí địa lý và đất đai rộng lớn, dân số đông, là một trong số ít tỉnh hội tụ đủ cả 3 vùng địa lý, thuận lợi cho phát triển kinh tế đa ngành, đa lĩnh vực, có tiềm năng rất lớn để phát triển cả nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Trong những năm qua, CCKT ngành của tỉnh đã có những chuyển dịch tích cực, ngành dịch vụ và công nghiệp phát triển là chủ đạo, trong đó công nghiệp trở thành ngành trụ cột với hạt nhân là Khu kinh tế Nghi Sơn. Cụ thể đó là tỷ trọng của ngành nông, lâm nghiệp và thuỷ sản năm 2022 còn 14,42%, giảm 1,79%; ngành công nghiệp, xây dựng chiếm 48,41%, tăng 3,17%; các ngành dịch vụ chiếm 30,40%, giảm 1,65 so với năm 2021. GRDP bình

quân đầu người năm 2022 theo giá hiện hành đạt 67,88 triệu đồng, tương đương với 2.924 đô la Mỹ.

Chuyển dịch CCKT ngành tỉnh Thanh Hoá đạt được những kết quả trên là do chính quyền Trung ương và địa phương đã sử dụng nhiều giải pháp tài chính (GPTC), điển hình như chi ngân sách nhà nước (NSNN), thuế và tín dụng nhà nước (TDNN)... Tuy nhiên, việc sử dụng các GPTC trên chưa thực sự đạt hiệu quả cao, đã có sự chuyển dịch CCKT ngành đúng định hướng nhưng chưa thực sự PTBV, chất lượng tăng trưởng kinh tế còn thấp, phụ thuộc nhiều vào tăng các yếu tố đầu vào; một số dự án công nghiệp hiệu quả chưa cao; ngành dịch vụ chưa đa dạng, chất lượng và giá trị gia tăng (GTGT) thấp; tái cơ cấu ngành nông nghiệp còn chậm; CSHT KTXH, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng các khu công nghiệp chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển,… Có nhiều nguyên nhân dẫn đến hiện tượng trên, song có thể thấy nguyên nhân chính là do việc sử dụng các GPTC của Nhà nước còn thiếu đồng bộ, còn thiếu vốn đầu tư của NSNN và các cơ chế khuyến khích về tài chính mang tính đột phá nhằm thu hút các nguồn lực đầu tư thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Trước thực tiễn đó, việc nghiên cứu hoàn thiện các GPTC phù hợp nhất, có căn cứ khoa học làm động lực thúc đẩy mục tiêu chuyển dịch CCKT ngành tỉnh Thanh Hoá theo hướng PTBV là yêu cầu cấp thiết.

Xuất phát từ lý do trên, NCS đã lựa chọn đề tài: ***"Giải pháp tài chính thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành tỉnh Thanh Hóa theo hướng phát triển bền vững"*** làm LATS, nhằm vận dụng lý luận vào điều kiện thực tiễn chuyển dịch CCKT ngành tỉnh Thanh Hoá, qua đó đề xuất các GPTC góp phần chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV.

2. Tổng quan các nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án

2.1. Các nghiên cứu về chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng phát triển bền vững

2.2. Các nghiên cứu về giải pháp tài chính thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng phát triển bền vững

2.3. Nhận xét các nghiên cứu có liên quan và định hướng nghiên cứu đề tài luận án

2.3.1. Nhận xét các nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án

2.3.2. Khoảng trống của các nghiên cứu và định hướng nghiên cứu đề tài luận án

Về mặt lý luận: Các nghiên cứu có liên quan chủ yếu đưa ra hệ thống cơ sở lý luận về chuyển dịch CCKT ngành, nội dung, nhân tố ảnh hưởng đến chuyển dịch CCKT ngành; các lý thuyết chuyển dịch CCKT ngành; vai trò và các chỉ tiêu đánh giá chuyển dịch CCKT ngành. Cũng có một số nghiên cứu về một số GPTC cho chuyển dịch CCKT ngành nhưng các GPTC nhằm thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV chưa có. Mặt khác, đến nay chưa có nghiên cứu nào đánh giá một cách trực tiếp, toàn diện về GPTC cho chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV được xem xét ở phạm vi của một địa phương.

Về mặt thực tiễn: Thời gian qua, trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá đã có một số nghiên cứu về chuyển dịch CCKT; chuyển dịch CCKT nông nghiệp, nhưng các nghiên cứu này có đối tượng và phạm vi nghiên cứu, cũng như cách thức tiếp cận các GPTC khác với GPTC của đề tài mà NCS đã lựa chọn. Tính đến thời điểm thực hiện luận án chưa có đề tài nào nghiên cứu về GPTC nhằm thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành tỉnh Thanh Hoá theo hướng PTBV. Đây chính là khoảng trống mà luận án có thể tiếp tục nghiên cứu.

Từ khoảng trống của các nghiên cứu có liên quan, luận án xác định các câu hỏi nghiên cứu như sau:

1. Chuyển dịch CCKT ngành và chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV là gì? Nội dung và xu hướng chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV? Các tiêu chí đánh giá chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV? Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV?

2. Cần sử dụng những GPTC nào thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV? Cơ chế tác động của các GPTC đó như thế nào?

3. Thực trạng các GPTC thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2011-2022 được thực hiện như thế nào? Những hạn chế nào khi sử dụng các GPTC đó là gì?

4. Giải pháp hoàn thiện các GPTC nhằm thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành tỉnh Thanh Hoá theo hướng PTBV trong thời gian tới?

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài luận án là xây dựng các quan điểm; đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện các GPTC nhằm thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành tỉnh Thanh Hoá theo hướng PTBV có cơ sở khoa học về lý luận và thực tiễn, có tính khả thi.

Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài luận án:

Một là, hệ thống hóa, làm rõ và bổ sung một số vấn đề lý luận cơ bản về chuyển dịch CCKT ngành, chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV và GPTC thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV.

Hai là, tổng kết kinh nghiệm về GPTC thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV của một số địa phương ở trong và ngoài nước, từ đó rút ra các bài học cho tỉnh Thanh Hóa.

Ba là, phân tích, đánh giá thực trạng sử dụng các GPTC thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành tỉnh Thanh Hóa theo hướng PTBV, đánh giá những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế đó.

Bốn là, xây dựng quan điểm, đề xuất các giải pháp và kiến nghị với các cơ quan có liên quan nhằm hoàn thiện các GPTC nhằm thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành tại tỉnh Thanh Hóa theo hướng PTBV.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận và thực tiễn về GPTC nhằm thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV.

Phạm vi nghiên cứu của luận án:

Về nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu các giải pháp về chi NSNN, thuế và TDNN nhằm thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV.

Về không gian và thời gian: Luận án nghiên cứu tại tỉnh Thanh Hóa, thực trạng được nghiên cứu trong giai đoạn 2011-2022 và mục tiêu, quan điểm, giải pháp đề xuất nghiên cứu áp dụng đến năm 2030; kinh nghiệm của quốc tế và một số địa phương trong nước được nghiên cứu trong khoảng 10 năm gần đây.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp tiếp cận

Chuyển dịch CCKT ngành là một trong những vấn đề kinh tế vĩ mô, mang tính liên ngành, liên vùng và thay đổi theo thời gian. Tác giả tiếp cận

đề tài theo các hướng chính: *(i) Tiếp cận từ lý thuyết đến thực tiễn*: Sau khi làm rõ các vấn đề lý thuyết có liên quan, tác giả tiến hành đánh giá thực trạng và từ đó xác định phương hướng, giải pháp hoàn thiện các giải pháp tài chính nhằm thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành tỉnh Thanh Hoá. *(ii) Tiếp cận hệ thống*: Tác giả coi tỉnh Thanh Hoá là một hệ thống kinh tế thống nhất. Các ngành là phân hệ của hệ thống kinh tế này. *(iii) Tiếp cận liên ngành-liên vùng*: Khi xem xét các ngành trong nền kinh tế của địa phương, tác giả xem xét kết quả hoạt động kinh tế được tính trên 03 khu vực kinh tế lớn: nông-lâm nghiệp và thuỷ sản (gọi tắt là nông nghiệp), công nghiệp-xây dựng (gọi tắt là công nghiệp), dịch vụ.

5.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể

Phương pháp phân tích thống kê: được sử dụng để phân tích các số liệu thống kê bao gồm cả số liệu sơ cấp và số liệu thứ cấp để rút ra các kết luận khoa học từ các nguồn khác nhau: Tổng cục thống kê Việt Nam, Cục thống kê tỉnh Thanh Hóa, Sở Tài chính tỉnh Thanh Hoá, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa, Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB)-chi nhánh Thanh Hoá... Ngoài ra, số liệu còn được thu thập trên các phương tiện thông tin đại chúng như các tạp chí khoa học, sách chuyên khảo, internet... Các nguồn số liệu này được dùng để hệ thống hóa cơ sở lý luận về tài chính đối với chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV và dùng để phân tích, đánh giá thực trạng GPTC nhằm thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV tỉnh Thanh Hóa.

Phương pháp so sánh: tác giả sử dụng để so sánh mức độ chuyển dịch CCKT ngành của tỉnh Thanh Hoá giữa các năm khác nhau để khái quát xu thế biến động của nó trong một khoảng thời gian nhất định. Đồng thời so sánh đối chiếu giữa tỉnh Thanh Hoá với các tỉnh khác để rút ra kinh nghiệm trong quá trình sử dụng các GPTC thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV. Phương pháp này được sử dụng chủ yếu ở chương 1 khi trình bày kinh nghiệm thực tiễn và chương 2 khi so sánh về quá trình biến động của số liệu nghiên cứu qua các giai đoạn.

Phương pháp chuyên gia: tác giả sử dụng phương pháp này để tham khảo các quan điểm của chuyên gia về vấn đề liên quan trong các báo cáo, hội thảo, tranh luận, đánh giá, nghiệm thu công trình khoa học, … được tác giả thu thập và trích dẫn rõ ràng. Từ nhận xét sâu sắc, xác đáng của các

chuyên gia là cơ sở để đối chiếu kết quả nghiên cứu mà tác giả thu thập được từ thực tiễn. Phương pháp này được sử dụng ở chương 2 và chương 3 khi phân tích thực trạng và định hướng phương pháp cho vấn đề nghiên cứu.

Phương pháp phân tích chính sách: Tác giả sử dụng phương pháp này để tổng hợp thông tin từ các kết quả nghiên cứu, xác định mức độ đạt được về mục tiêu của chính sách, đánh giá lợi ích, đo lường hiệu lực, hiệu quả của chính sách để làm cơ sở cho các quyết định chính sách và xác định các nhu cầu tương lai cho các thông tin chính sách liên quan.

Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi: Tác giả sử dụng phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi (phiếu câu hỏi) để thu thập dữ liệu phục vụ cho mục tiêu nghiên cứu. Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu tác giả thực hiện phát phiếu khảo sát, điều tra về thực trạng GPTC thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành tại tỉnh Thanh Hoá. Tác giả đã thiết kế mẫu phiếu điều tra đảm bảo phục vụ yêu cầu thu thập thông tin, khảo sát bằng hình thức phát phiếu cho 680 đối tượng, kết quả thu về 668 phiếu điều tra với thông tin cần thiết tin cậy. Đối tượng lựa chọn là doanh nghiệp, cơ sở sản xuất (gọi chung là doanh nghiệp) trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.

6. Kết quả nghiên cứu và những đóng góp mới của luận án

Về mặt lý luận: Luận án đã bổ sung, làm rõ thêm một số vấn đề lý luận về chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV và GPTC thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV trên các khía cạnh: Khái niệm chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV; nội dung và xu hướng chuyển dịch CCKT ngành; các tiêu chí phản ánh chuyển dịch CCKT ngành; các nhân tố ảnh hưởng đến chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV; làm rõ khái niệm và cơ chế tác động của GPTC thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV, nhấn mạnh đến GPTC như chi NSNN, thuế và TDNN.

Về mặt thực tiễn: Luận án đã nghiên cứu kinh nghiệm về GPTC thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV ở một số địa phương ở trong và ngoài nước, từ đó rút ra bài học có thể tham khảo, vận dụng cho tỉnh Thanh Hoá. Hơn nữa, tác giả đã tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng GPTC thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV của

tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2011-2022, chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế; từ đó đề xuất quan điểm, giải pháp và kiến nghị với các cơ quan có liên quan nhằm hoàn thiện các GPTC thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV tỉnh Thanh Hoá. Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ là tài liệu cung cấp thông tin có giá trị cho việc hoạch định và thực thi các GPTC thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV ở địa phương. Ngoài ra luận án còn là tài liệu tham khảo cho các nhà quản lý, phục vụ nghiên cứu, giảng dạy trong các trường Đại học, cao đẳng trong và ngoài nước.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung chính của luận án trình bày trong 180 trang và được kết cấu gồm 3 chương:

Chương 1. Lý luận và kinh nghiệm về GPTC thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV;

Chương 2. Thực trạng GPTC thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành tỉnh Thanh Hoá theo hướng PTBV;

Chương 3. Hoàn thiện GPTC thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành tỉnh Thanh Hóa theo hướng PTBV.

CHƯƠNG 1
LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM VỀ GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH THÚC ĐẨY CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NGÀNH THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1.1. LÝ LUẬN VỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NGÀNH THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1.1.1. Cơ cấu kinh tế ngành và khái niệm chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng phát triển bền vững

1.1.1.1. Cơ cấu kinh tế ngành

Kế thừa những quan điểm trên, theo quan điểm của NCS: "*CCKT ngành là sự phân bổ cơ cấu giữa các ngành kinh tế trong nền kinh tế quốc dân, thể hiện mối quan hệ hữu cơ và sự tác động qua lại giữa các ngành kinh tế trong những điều kiện KTXH nhất định"*. Như vậy, cơ cấu kinh tế ngành được hiểu là sự phân bổ về cơ cấu giữa các ngành kinh tế trong nền kinh tế quốc dân. Xác định tỷ trọng giữa các ngành kinh tế: Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại.

1.1.1.2. Khái niệm chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng phát triển bền vững

Trên cơ sở những kết quả nghiên cứu ở trên về CCKT, chuyển dịch CCKT, PTBV và dựa vào các lý thuyết cơ bản về chuyển dịch CCKT, tác giả thấy rằng sự chuyển dịch CCKT ngành nhất thiết phải được thực hiện trên quan điểm PTBV.

Theo quan điểm của NCS: "*Chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV là quá trình thay đổi cơ cấu ngành kinh tế một cách thích hợp với sự phát triển kinh tế và BVMT. Mục đích của chuyển dịch CCKT ngành bền vững là đảm bảo sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và BVMT để đáp ứng nhu cầu của người dân hiện tại và tương lai"*.

Nếu xem xét cụ thể trong một thời gian xác định, sự chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV trong quá trình phát triển được thể hiện ở những điểm sau:

- *Sự thay đổi về số lượng và loại ngành trong nền kinh tế do sự xuất hiện thêm những ngành mới hoặc mất đi một số ngành đã có.*

- *Sự tăng trưởng về quy mô và tốc độ không đồng đều giữa các ngành*

- Sự thay đổi trong quan hệ tác động qua lại giữa các ngành, được thể hiện bằng số lượng các ngành có liên quan lẫn nhau.

- Sự thay đổi của CCKT ngành phản ánh trình độ phát triển của sức sản xuất xã hội, biểu hiện chủ yếu trên hai mặt.

- Sự chuyển dịch CCKT ngành còn phản ánh mức độ thay đổi của phương thức sản xuất theo hướng ngày càng hiện đại.

1.1.2. Các học thuyết về chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành

1.1.2.1 Mô hình hai khu vực của Arthus Lewis

1.1.2.2. Mô hình hai khu vực của trường phái tân cổ điển

1.1.2.3. Lý thuyết về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong "Học thuyết kinh tế cơ cấu mới"

1.1.2.4. Quan niệm về chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành trong cuộc cách mạng công nghệ 4.0

1.1.3. Mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng phát triển bền vững

Một là, chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV phải thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả, ổn định, cân đối, hài hòa giữa các địa phương, các vùng, đặc biệt giữa nông thôn và thành thị.

Hai là, chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV phải bảo đảm sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, duy trì đa dạng sinh học và hạn chế tối đa các tác động xấu đến môi trường.

Ba là, chuyển dịch CCKT ngành phải góp phần giải quyết tốt các vấn đề xã hội.

Bốn là, chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV gắn liền với sự thay đổi số lượng và chất lượng lao động làm việc trong các ngành.

Năm là, chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV trên cơ sở phải hoàn thiện hệ thống CSHT KTXH đồng bộ, hiện đại.

Sáu là, chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV đi đôi với việc phát triển mạnh mẽ KHCN và đổi mới sáng tạo.

Bảy là, chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV cần tăng cường mối quan hệ liên kết giữa các ngành trong chuỗi giá trị và trong mạng sản xuất toàn cầu.

1.1.4. Các tiêu chí đánh giá chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng phát triển bền vững

1.1.4.1. Các tiêu chí về kinh tế

(i) Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) *và mức tăng GDP trên đầu người*

(ii) Cơ cấu thu nhập quốc dân theo ngành

1.1.4.2. Các tiêu chí về xã hội

(i) Tăng trưởng dân số

(ii) Tình trạng nghèo đói

(iii) Tỷ lệ thất nghiệp:

(iv) Tỷ lệ người dân được dùng nước sạch:

1.1.4.3. Các tiêu chí về môi trường

(i) Các tiêu chí về môi trường đất.

(ii) Các tiêu chí về môi trường nước

(iii) Các tiêu chí về môi trường không khí

(iv) Các tiêu chí về chất thải rắn

1.1.5. Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng phát triển bền vững

Thứ nhất, nhóm các nhân tố đầu vào của quá trình sản xuất.

(i) Nguồn lực tự nhiên:

(ii) Nguồn nhân lực:

(iii) Nguồn lực KHCN

(iv) Nguồn lực kinh tế:

Thứ hai, nhóm các nhân tố đầu ra của sản xuất (yếu tố thị trường).

(i) Dung lượng thị trường

(ii) Thói quen hay thị hiếu của người tiêu dùng

Thứ ba, nhóm các nhân tố về cơ chế chính sách của Nhà nước

1.2. LÝ LUẬN VỀ GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH THÚC ĐẨY CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NGÀNH THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1.2.1. Khái niệm về giải pháp tài chính

Giải pháp là một thuật ngữ đề cập đến cách thức giải quyết một vấn đề nào đó trong thực tiễn. Cách thức giải quyết vấn đề được thực hiện thông qua các công cụ nhất định dựa trên các mục tiêu, quan điểm đã đề ra. Với cách tiếp cận đó, tác giả cho rằng "*GPTC là tổng thể các cách thức và biện pháp mà chủ thể quản lý sử dụng các công cụ tài chính để tác*

động vào lợi ích của các đối tượng khác nhau nhằm đạt được mục tiêu đề ra".

Theo NCS: "*GPTC đối với chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV là sự tác động của Nhà nước lên CCKT ngành hiện có, thông qua các công cụ tài chính nhằm tạo ra một CCKT ngành phù hợp với định hướng PTBV của nhà nước trong một thời kỳ nhất định*".

Cơ chế tác động của giải pháp tài chính:

Tác động trực tiếp:

Tác động gián tiếp:

1.2.2. Vai trò của giải pháp tài chính đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng phát triển bền vững

1.2.2.1. Định hướng quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng phát triển bền vững

1.2.2.2. Tạo lập nguồn tài chính để tài trợ cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng phát triển bền vững

1.2.2.3. Phân phối và sử dụng nguồn tài chính cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng phát triển bền vững

1.2.2.4. Kiểm tra, giám sát quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng phát triển bền vững

1.2.3. Nội dung các giải pháp tài chính thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng phát triển bền vững

1.2.3.1. Giải pháp về chi ngân sách nhà nước

Mục đích của chính sách chi NSNN: Là Nhà nước sử dụng nguồn thu của ngân sách vào các khoản chi tiêu khác nhau nhằm đảm bảo thực hiện nhiệm vụ và mục tiêu của Nhà nước, như: Sản lượng, việc làm và tăng trưởng kinh tế.

Cơ chế tác động của chi NSNN là thông qua cơ cấu phân bổ ngân sách để điều chỉnh cơ cấu đầu tư của Nhà nước, dùng đầu tư nhà nước như là một lực lượng tạo lập cơ cấu kinh tế ngành theo định hướng.

Thông qua việc quyết định quy mô và cơ cấu chi tiêu, chi NSNN sẽ tác động đến việc phân bổ nguồn lực tài chính thông qua các chương trình, đề án cho những mục tiêu tăng trưởng kinh tế, khắc phục khuyết tật của nền kinh tế thị trường.

Chi NSNN cho chuyển dịch CCKT ngành có phạm vi rất rộng, trong

khi đó nguồn thu NSNN lại có hạn.

Thứ nhất, *chi NSNN giữ vai trò quan trọng và chủ yếu để hình CSHT KTXH, đảm bảo điều kiện cho chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV.*

Thứ hai, *chi NSNN tác động tới quá trình chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV thông qua việc nâng cao chất lượng NNL đáp ứng yêu cầu của các ngành kinh tế.*

Thứ ba, *chi NSNN cho PTTT tiêu thụ sản phẩm.*

Thứ tư, *chi NSNN cho KHCN.*

1.2.3.2. Giải pháp về thuế

Thứ nhất, *thuế có vai trò định hướng chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV.*

Thứ hai, *thuế có vai trò tài trợ cho chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV.*

Đối với chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV thì thuế ảnh hưởng đến doanh nghiệp ở các ngành trên các khía cạnh:

- Khuyến khích đầu tư xây dựng CSHT chuyển dịch CCKT ngành theo định hướng PTBV.

- Thuế khuyến khích phát triển cơ sở đào tạo nghề của doanh nghiệp

- Khuyến khích phát triển các yếu tố hỗ trợ thị trường tiêu thụ.

- Thuế khuyến khích nghiên cứu, đổi mới công nghệ trong các ngành ứng dụng công nghệ cao.

1.2.3.3. Giải pháp về tín dụng Nhà nước

TDNN đối với chuyển dịch CCKT ngành bao gồm các hình thức sau:

- Cho vay đầu tư:

- Bảo lãnh tín dụng đầu tư:

- Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư:

- Tín dụng hỗ trợ xuất khẩu:

1.2.4. Các tiêu chí đánh giá giải pháp tài chính thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng phát triển bền vững

1.2.4.1. Các tiêu chí định lượng

1.2.4.2. Các tiêu chí định tính

1.2.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến giải pháp tài chính thúc đẩy

chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng phát triển bền vững

1.2.5.1. Nhân tố khách quan

Một là, bối cảnh kinh tế vĩ mô và điều kiện tự nhiên, KTXH của địa phương.

Hai là, khuôn khổ pháp luật, thể chế của quốc gia có liên quan đến chuyển dịch CCKT ngành và các GPTC thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành.

1.2.5.2. Nhân tố chủ quan

Một là, chiến lược và quy hoạch phát triển KTXH của địa phương, trong đó có chiến lược và quy hoạch chuyển dịch CCKT ngành.

Hai là, quan điểm, quyết tâm chính trị trong chỉ đạo, điều hành thực thi các GPTC thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV của địa phương.

Ba là, hiệu quả huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính của địa phương.

1.3. KINH NGHIỆM VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH THÚC ĐẨY CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NGÀNH THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1.3.1. Kinh nghiệm về giải pháp tài chính thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành của một số thành phố trên thế giới

1.3.1.1. Kinh nghiệm của thành phố Incheon Hàn Quốc

1.3.1.2. Kinh nghiệm của thành phố Thâm Quyến Trung Quốc

1.3.2. Kinh nghiệm về giải pháp tài chính thúc đẩy dịch chuyển cơ cấu kinh tế ngành của một số địa phương trong nước

1.3.2.1. Kinh nghiệm của Thành phố Hồ Chí Minh

1.3.2.2. Kinh nghiệm của Thành phố Đà Nẵng

1.3.3. Bài học cho tỉnh Thanh Hóa

Qua việc nghiên cứu kinh nghiệm sử dụng GPTC thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV của một số địa phương trong và ngoài nước, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho tỉnh Thanh Hoá như sau:

Thứ nhất, muốn chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV trước hết phải có sự hỗ trợ tích cực từ phía Nhà nước bằng việc ban hành những cơ chế chính sách, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho SXKD; hỗ trợ về

tài chính và tiếp cận nguồn vốn, trong đó, cơ chế chính sách cho các doanh nghiệp tiếp cận được nguồn vốn từ TDNN có vai trò quan trọng.

Thứ hai, cần chú trọng đến việc sử dụng các GPTC đối với CSHT, để từ đó làm nền tảng, cơ sở cho quá trình chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV.

Thứ ba, cần sử dụng hợp lý và hiệu quả các GPTC nhằm nâng cao chất lượng NNL đáp ứng yêu cầu của các ngành, đặc biệt là các ngành chất lượng cao, đảm bảo cho quá trình chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV thành công.

Thứ tư, kinh nghiệm sử dụng GPTC đối với KHCN của Hàn Quốc và Trung Quốc cho thấy, tỉnh Thanh Hoá cần sử dụng các GPTC phù hợp nhằm đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu KHCN, tập trung vào nghiên cứu triển khai và thu hút nhân tài.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH THÚC ĐẨY CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NGÀNH TỈNH THANH HÓA THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ THỰC TRẠNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NGÀNH TỈNH THANH HOÁ THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2.1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội

2.1.1.1. Điều kiện tự nhiên

Thanh Hoá là tỉnh lớn (diện tích tự nhiên 11.114,6 km^2, đứng thứ 5 cả nước; dân số trên 3,7 triệu người, đứng thứ 3 cả nước; có 228.782 đảng viên, đứng thứ 2 cả nước), nằm ở cực Bắc miền Trung, cầu nối trung chuyển giữa Bắc Bộ với Trung Bộ và là vùng Tây Bắc nối dài, điểm dừng chân trên đường hàng hải quốc tế;

2.1.1.2. Điều kiện kinh tế-xã hội

Một là, *quy mô kinh tế và tốc độ tăng trưởng GRDP*

Hai là*, GTSX*

Ba là, *dân số và cơ cấu lao động*

Bốn là*, hệ thống CSHT*

Năm là, *mức độ ứng dụng KHCN.*

Sáu là, *kim ngạch xuất khẩu.*

Bảy là, *vốn ĐTPT kinh tế ngành*

2.1.2. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng phát triển bền vững

2.1.2.1. Về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) trên địa bàn:

Năng suất lao động:

Huy động vốn:

2.1.2.2. Về xã hội

Lao động có việc làm:

Tỷ lệ lao động qua đào tạo:

Tỷ lệ thất nghiệp:

Tỷ lệ hộ nghèo:

2.1.2.3. Về môi trường

- *Tỷ lệ che phủ rừng*:
- Tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước sạch:
- *Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh*:
- *Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý*:

2.2. THỰC TRẠNG GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH THÚC ĐẨY CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NGÀNH TỈNH THANH HOÁ GIAI ĐOẠN 2011 - 2022

2.2.1. Chi ngân sách nhà nước

Tổng chi cân đối NSĐP cho tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2011-2020 đạt 261.000 tỷ đồng; trong đó, giai đoạn 2016-2020 đạt 161.000 tỷ đồng, gấp 1,6 lần giai đoạn 2011-2015. Sang giai đoạn 2021-2022 chi NSNN tiếp tục tăng, năm 2021 đạt 32.538,512 tỷ đồng, năm 2022 đạt 36.036,622 tỷ đồng

2.2.1.1. Chi ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng

2.2.1.2. Chi ngân sách nhà nước cho đào tạo nguồn nhân lực

2.2.1.3. Chi ngân sách nhà nước cho phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm

2.2.1.4. Chi ngân sách nhà nước cho khoa học công nghệ

2.2.2. Giải pháp về thuế

Giai đoạn 2011-2022, tỉnh Thanh Hoá đã thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của chính sách thuế Nhà nước, từ đó dẫn đến quy mô thu NSNN trên địa bàn tỉnh liên tục tăng lên. Tổng thu NSNN trên địa bàn năm 2022 đạt 51.054,387 tỷ đồng, tăng 1,6 lần so với năm 2020 và tăng 14,18 lần so với năm 2011.

2.2.2.1. Thuế đối với đầu tư cơ sở hạ tầng

2.2.2.2. Thuế đối với đào tạo nguồn nhân lực

2.2.2.3. Thuế ưu đãi xuất khẩu

2.2.2.4. Thuế đối với khoa học công nghệ

2.2.3. Giải pháp về tín dụng nhà nước

2.2.3.1. Tín dụng nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng

2.2.3.2. Tín dụng nhà nước đối với xuất khẩu

2.2.3.3. Tín dụng nhà nước với khoa học công nghệ

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH THÚC ĐẨY CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NGÀNH TỈNH THANH

HOÁ THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2.3.1. Kết quả đạt được

2.3.1.1. Giải pháp về chi ngân sách nhà nước

2.3.1.2. Giải pháp về thuế

2.3.1.3. Giải pháp về tín dụng nhà nước

2.3.2. Những hạn chế còn tồn tại

2.3.2.1. Giải pháp về chi ngân sách nhà nước

2.3.2.2. Giải pháp về thuế

2.3.2.3. Giải pháp về tín dụng nhà nước

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

2.3.3.1. Nguyên nhân khách quan

2.3.3.2. Nguyên nhân chủ quan

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3
HOÀN THIỆN GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH THÚC ĐẨY CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NGÀNH TỈNH THANH HÓA THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

3.1. MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NGÀNH VÀ QUAN ĐIỂM HOÀN THIỆN GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH THÚC ĐẨY CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NGÀNH TỈNH THANH HOÁ THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẾN NĂM 2030

3.1.1. Mục tiêu và định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng phát triển bền vững

3.1.1.1. Cơ hội và thách thức đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành tỉnh Thanh Hoá theo hướng phát triển bền vững trong những năm tới

Thứ nhất, *cơ hội chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành.*

Thứ hai*, thách thức trong quá trình chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV.*

3.1.1.2. Mục tiêu và định hướng đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành tỉnh Thanh Hoá theo hướng phát triển bền vững trong những năm tới

3.1.2. Quan điểm hoàn thiện giải pháp tài chính thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng phát triển bền vững

Thứ nhất, hoàn thiện các GPTC phải gắn chặt với mục tiêu chuyển dịch CCKT ngành theo hướng phát triển bền vững của địa phương.

Thứ hai, hoàn thiện GPTC phải phù hợp với tiềm năng, lợi thế của địa phương.

Thứ ba, hoàn thiện các GPTC phải thực hiện một cách đồng bộ và thống nhất.

Thứ tư, ưu tiên đầu tư vào các công trình, dự án trọng điểm, có ý nghĩa lớn đối với chuyển dịch CCKT ngành theo hướng phát triển bền vững.

3.2. HOÀN THIỆN GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH THÚC ĐẨY CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NGÀNH TỈNH THANH HÓA THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẾN NĂM 2030

3.2.1. Nhóm giải pháp chi ngân sách nhà nước

3.2.1.1. Hoàn thiện giải pháp chi ngân sách nhà nước đối với cơ sở hạ tầng

3.2.1.2. Hoàn thiện giải pháp chi ngân sách nhà nước đối với nguồn nhân lực

3.2.1.3. Hoàn thiện giải pháp chi ngân sách nhà nước phát triển thị trường

3.2.1.4. Hoàn thiện giải pháp chi ngân sách nhà nước đối với khoa học công nghệ

3.2.2. Nhóm giải pháp về thuế

Thứ nhất, thực hiện tốt các giải pháp thu NSNN để tạo điều kiện tăng qui mô chi NSNN nhằm thực hiện mục tiêu chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV.

Thứ hai, tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi từ các ưu đãi thuế nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào các dự án CSHT trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

Thứ ba, tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi từ các ưu đãi thuế nhằm

khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đầu tư đào tạo phát triển NNL trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

Thứ tư, hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu một cách tối đa để được hưởng các ưu đãi về thuế xuất khẩu.

Thứ năm, tạo điều kiện để các doanh nghiệp KHCN được hưởng các ưu đãi về thuế.

3.2.3. Nhóm giải pháp tín dụng nhà nước

Thứ nhất, *đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng đối với các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.*

Thứ hai, *áp dụng theo chính sách lãi suất ưu đãi hơn đối với tín dụng vùng biên giới và vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh.*

Thứ ba, đa dạng các hình thức tín dụng, sử dụng các hình thức TDNN một cách linh hoạt, hợp lý

Thứ tư, *nâng cao chất lượng tín dụng đầu tư để có thêm nguồn vốn đầu tư cho dự án CSHT nền tảng, then chốt, có tác động lớn đến chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV.*

Thứ năm, *tăng cường nguồn vốn tín dụng cho các chủ thể đầu tư CSHT thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV.*

Thứ sáu, *khuyến khích các tổ chức tín dụng tạo điều kiện cho các trường ngoài công lập vay vốn đầu tư cơ sở vật chất nâng cao chất lượng đào tạo NNL địa phương.*

Thứ bảy, *chú trọng cho vay đổi mới máy móc, trang thiết bị, ứng dụng KHCN đặc biệt là các ngành ứng dụng công nghệ cao.*

3.2.4. Nhóm giải pháp hỗ trợ

Một là, sớm hoàn thiện và trình Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Thanh Hoá.

Hai là, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng quản lý, chỉ đạo điều hành các ngành.

Ba là, xây dựng mới các cơ chế, chính sách, tạo thuận lợi thúc đẩy quá trình chuyển dịch CCKT ngành của tỉnh.

Bốn là, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng trong quá trình thực hiện chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV của địa phương.

Năm là, *tăng cường BVMT, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên.*

***Sáu là**, nghiên cứu, sửa đổi một số chính sách ưu đãi nhằm thu hút nguồn vốn từ bên ngoài vào phát triển CSHT thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV.*

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Kiến nghị đối với Quốc hội

3.3.2. Kiến nghị đối với Chính phủ và các bộ ngành có liên quan

3.3.2.1. Kiến nghị đối với Chính phủ

3.3.2.2. Kiến nghị với cơ quan thuế và cơ quan hải quan

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

KẾT LUẬN

Chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV trong quá trình hội nhập và khắc phục hậu quả của quá trình dịch bệnh là vấn đề được các nhà nghiên cứu và xây dựng chính sách trong và ngoài nước quan tâm. Tuy nhiên, tuỳ vào đặc điểm của mỗi quốc gia, địa phương mà phương pháp tiếp cận, đối tượng, nội dung và phạm vi nghiên cứu cách hỗ trợ này diễn ra theo các chiều hướng khác nhau.

Thanh Hóa là một tỉnh lớn, nằm ở cực Bắc miền Trung, cầu nối trung chuyển giữa Bắc bộ với Trung bộ và là vùng Tây Bắc nối dài, điểm dừng chân trên đường hàng hải quốc tế; là cửa ngõ thông thương ra biển gần nhất của khu vực phía Tây Bắc nước ta và Đông Bắc Lào, Thanh Hóa có vị trí, vai trò chiến lược quan trọng của đất nước. Theo Nghị quyết số 58 của Bộ Chính trị, xây dựng và phát triển Thanh Hoá trở thành tỉnh kiểu mẫu, trở thành một cực tăng trưởng mới cùng với Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh tạo thành một tứ giác phát triển, chuyển dịch CCKT gắn với mô hình tăng trưởng theo hướng kết hợp chiều rộng và chiều sâu, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng theo chiều sâu. Ưu tiên phát triển mạnh các ngành, sản phẩm công nghiệp, dịch vụ có hàm lượng KHCN GTGT cao, phấn đấu đến năm 2025, xây dựng Thanh Hoá thành tỉnh có nền công nghiệp, dịch vụ hiện đại với tốc độ đô thị hoá cao và trở thành một trong những tỉnh có nền kinh tế nằm trong tốp đầu cả nước.

Để thực hiện thành công mục tiêu trên, tỉnh Thanh Hóa cần phải có sự chuẩn bị cả về nhân lực và vật lực phục vụ cho quá trình chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV. Trong đó, GPTC là đòn bẩy kinh tế hết sức quan trọng trong việc tạo nguồn vốn, tạo đà để thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV. Luận án đã làm sáng tỏ được 3 vấn đề lớn:

(i) Hệ thống hóa các vấn đề lý luận về chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV, tài chính và GPTC nhằm thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV. Trong phần nội dung này, tác giả đã làm rõ các vấn đề liên quan đến chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV như: khái niệm, vai trò, nội dung, xu hướng cũng như các nhân tố ảnh hưởng đến chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV. Trên cơ sở đó tác giả đi sâu nghiên cứu cơ sở lý luận về các GPTC nhằm thúc đẩy chuyển dịch

CCKT ngành theo hướng PTBV thông qua 3 giải pháp chủ yếu đó là: chi NSNN; thuế, TDNN. Kinh nghiệm sử dụng các GPTC nhằm thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV ở một số tỉnh, thành phố trong, ngoài nước và rút ra bài học đối với tỉnh Thanh Hóa.

(ii) Luận án đi sâu vào phân tích, đánh giá những thuận lợi cũng như những khó khăn về đặc điểm tự nhiên, KTXH tỉnh Thanh Hóa đến quá trình chuyển dịch CCKT ngành tỉnh Thanh Hóa theo hướng PTBV. Từ đó, luận án phân tích thực trạng sử dụng các GPTC chủ yếu đến chuyển dịch CCKT ngành tỉnh Thanh Hóa đồng thời đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế cũng như tìm ra nguyên nhân của những hạn chế trong quá trình thực hiện các GPTC thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành tỉnh Thanh Hóa theo hướng PTBV trong thời gian qua.

(iii) Bám sát các mục tiêu phát triển KTXH, mục tiêu và phương hướng chuyển dịch CCKT ngành tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, luận án đã đưa ra các quan điểm, đề xuất các GPTC, các giải pháp hỗ trợ và một số kiến nghị tới Quốc hội, Chính phủ và các bộ ngành liên quan nhằm tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành tỉnh Thanh Hoá theo hướng PTBV.

Các nội dung đề cập trong luận án nhằm đạt được các mục tiêu nghiên cứu đề ra. Tuy nhiên, những vấn đề về chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV và tác động của các GPTC luôn là những vấn đề đòi hỏi tính lý luận và thực tiễn rất cao. Việc đề xuất các GPTC nhằm thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành theo hướng PTBV tỉnh Thanh Hóa mang tính đặc thù và gặp phải những khó khăn khi hệ thống số liệu thống kê không nhất quán cùng với việc nghiên cứu của tác giả còn hạn chế. Mặc dù tác giả đã có nhiều nỗ lực, cố gắng để hoàn thành luận án, nhưng không thể tránh khỏi những thiếu sót. Tác giả mong nhận được sự chỉ dẫn, góp ý của các nhà khoa học, chuyên gia và những người quan tâm đến chủ đề nghiên cứu của luận án.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ

1. Trần Anh Chung (2017), *Cơ chế tiền lương trong các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh - Thực trạng và giải pháp*, Tài chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán, số 04, năm 2017, tr.83-85.

2. Trần Anh Chung (2018), *"Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam lý luận và thực tiễn"*, Sách chuyên khảo, NXB Lao động.

3. Trần Anh Chung (2020), *Giải pháp tài chính thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành trong cách mạng công nghiệp 4.0*, Tạp chí Tài chính, số 729, Tháng 5/2020.

4. Trần Anh Chung (2021), *Giải pháp tài chính thúc đẩy chuyển dịch CCKT ngành theo hướng bền vững tỉnh Thanh Hoá*, Tạp chí Tài chính, số 763, Tháng 10/2021.